

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01 – 3 - 2019

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Long
2. Ông Võ Văn Trường

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2019 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tuyết Nh sinh năm: 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Ph, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn Đ sinh năm: 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Ph, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 30/3/2018, quá trình tố tụng và tại tòa, nguyên đơn Bà Lê Thị Tuyết Nh trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn Đ tự nguyện tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không đi đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống với nhau được một thời gian thì giữa bà Nh và ông Đ phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do

không còn hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến ông, bà thường xuyên cãi nhau. Ngày 10/10/2008, bà Nh và ông Đ ký giấy tay ly hôn với nhau đồng thời chính thức ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Khánh L, sinh năm 1998 và Nguyễn Khánh B, sinh năm 2000 đã trưởng thành

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông thừa nhận ông và bà Nh chung sống với nhau vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2008, giữa ông Đ và bà Nh phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân nhau từ đó cho đến nay.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Thống nhất theo trình bày trên của bà Nh, ông không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng không công nhận bà Nh và ông Đ là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết Nh và ông Nguyễn Tấn Đ tự nguyện tổ chức đám cưới và chung sống với nhau vào năm 1993. Trong thời gian chung sống với nhau ông, bà có đầy đủ các điều kiện về kết hôn theo quy định nhưng vẫn không đi đăng ký kết hôn nên về mặt pháp luật không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay bà Nh xin ly hôn với ông Đ, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà Nh và ông Đ là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà Nh, ông Đ khai có hai con chung là Nguyễn Khánh L, sinh năm 1998 và Nguyễn Khánh B, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không đề cập xem xét

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Tuyết Nh và ông Nguyễn Tấn Đ là vợ chồng

2. Về con chung: Đã trưởng thành nên không đề cập xem xét

3. Tài sản chung; Nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Tuyết Nh phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0017973 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Bà Nh đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDT. Hậu Giang;
- VKS nhân dân huyện C;
- THA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Thọ